

Phụ lục

DANH SÁCH THỐNG KÊ HỒ SƠ TIẾP NHẬN, XỬ LÝ TRÊN HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẢI QUYẾT TTHC CỦA TỈNH

(Ban hành kèm theo Công văn số /UBND-PVHCC ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số hồ sơ tiếp nhận				Số hồ sơ đã giải quyết				Số hồ sơ còn tồn chưa giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính công ích								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I	Sở ban ngành											
1	Công an tỉnh	10.657	9.343	19	1.295	8.895	1.511	1.720	5.664	1.762	1.669	93
2	Sở Nông nghiệp và Môi trường	169.753	77.262	81.423	11.068	147.118	109.917	32.711	4.490	22.635	19.794	2.841
3	Sở Tài chính	473	445	-	28	425	318	46	61	48	47	1
4	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	17	15	-	2	16	14	-	2	1	1	-
5	Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên	32	32	-	-	31	29	2	-	1	1	-
6	Sở Công Thương	1.630	1.599	-	31	1.507	1.148	359	-	123	123	-
7	Sở Dân tộc và Tôn giáo	29	18	-	11	27	24	3	-	2	2	-
8	Sở Giáo dục và Đào tạo	769	764	-	5	756	469	287	-	13	13	-
9	Sở Khoa học và Công nghệ	129	124	-	5	106	91	15	-	23	23	-
10	Sở Nội vụ	415	409	1	5	374	367	7	-	41	41	-
11	Sở Tư pháp	175	152	-	23	129	106	23	-	46	46	-
12	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	481	469	-	12	455	427	28	-	26	26	-
13	Sở Xây dựng	842	764	2	76	744	675	69	-	98	98	-
14	Sở Y tế	2.703	2.280	-	423	2.251	2.127	124	-	452	452	-
15	Văn phòng UBND tỉnh Đắk Lắk	5	4	-	1	4	3	1	-	1	1	-
TỔNG SỐ BAN NGÀNH		188.110	93.680	81.445	12.985	162.838	117.226	35.395	10.217	25.272	22.337	2.935
II	Phường - xã											
1	UBND Xã Ia Lốp	1.380	599	781	-	1.374	795	107	472	6	5	1
2	UBND Xã Ea Rók	4.046	2.698	1.348	-	4.028	2.651	1.054	323	18	15	3
3	UBND Xã Ea Drăng	3.794	3.588	206	-	2.961	2.101	550	310	833	355	478
4	UBND Xã Ea Ktur	3.850	3.700	150	-	3.473	2.735	450	288	377	225	152
5	UBND Xã Ea Kar	5.190	4.410	780	-	4.703	3.347	1.127	229	487	456	31
6	UBND Xã Ea Khăl	1.902	1.314	588	-	1.656	1.235	211	210	246	222	24
7	UBND Xã Nam Ka	541	426	115	-	511	239	78	194	30	29	1

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số hồ sơ tiếp nhận				Số hồ sơ đã giải quyết				Số hồ sơ còn tồn chưa giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính công ích								
8	UBND Xã Ea Knốp	3.245	2.748	497	-	2.870	2.472	243	155	375	247	128
9	UBND Xã Ea Súp	4.047	2.670	1.377	-	3.955	3.124	699	132	92	92	-
10	UBND Xã Pong Drang	2.451	2.423	28	-	2.256	1.906	220	130	195	170	25
11	UBND Phường Buôn Hồ	4.103	3.917	186	-	3.617	3.094	396	127	486	416	70
12	UBND Xã Ea Ning	3.574	3.463	111	-	3.495	2.954	431	110	79	68	11
13	UBND Xã Xuân Lộc	2.994	2.994	-	-	2.480	2.199	190	91	514	317	197
14	UBND Xã Ea Tul	2.610	1.735	875	-	2.348	1.850	408	90	262	244	18
15	UBND Xã Ea Riêng	2.468	608	1.860	-	2.241	2.049	116	76	227	207	20
16	UBND Xã Vụ Bồn	3.032	2.935	97	-	2.726	2.029	623	74	306	187	119
17	UBND Xã Krông Năng	3.610	3.284	326	-	3.349	3.051	226	72	261	135	126
18	UBND Xã Ea Bung	1.711	681	1.030	-	1.685	1.562	53	70	26	26	-
19	UBND Xã Krông Pắc	4.926	4.884	42	-	4.586	4.237	281	68	340	268	72
20	UBND Phường Xuân Đài	1.368	1.365	3	-	1.268	1.067	139	62	100	95	5
21	UBND Xã Đức Bình	1.478	1.478	-	-	1.313	1.069	184	60	165	159	6
22	UBND Xã Ea Wy	1.225	703	522	-	1.128	666	402	60	97	90	7
23	UBND Xã Krông Ấ	1.640	1.258	382	-	1.618	1.217	341	60	22	20	2
24	UBND Xã Ea Ly	1.732	1.680	52	-	1.552	1.437	64	51	180	147	33
25	UBND Xã Krông Búk	1.643	1.435	208	-	1.511	1.133	328	50	132	98	34
26	UBND Xã M'Drăk	2.488	1.748	740	-	2.366	1.466	850	50	122	87	35
27	UBND Xã Quảng Phú	5.161	4.654	507	-	4.554	3.557	949	48	607	513	94
28	UBND Xã Ô Loan	4.731	4.703	28	-	4.354	3.140	1.171	43	377	353	24
29	UBND Xã Cư M'ta	2.110	1.556	554	-	1.971	1.819	110	42	139	135	4
30	UBND Xã Phú Hòa 2	3.790	3.721	69	-	3.673	3.301	335	37	117	81	36
31	UBND Xã Hòa Sơn	3.062	3.047	15	-	3.007	2.793	177	37	55	53	2
32	UBND Xã Sơn Hòa	3.226	2.936	290	-	3.079	2.754	290	35	147	119	28
33	UBND Xã Dray Bằng	2.597	2.274	323	-	2.465	2.127	305	33	132	128	4
34	UBND Xã Hòa Phú	4.076	3.776	300	-	3.694	3.113	548	33	382	342	40
35	UBND Phường Buôn Ma Thuột	9.701	8.973	728	-	9.105	8.295	780	30	596	524	72

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số hồ sơ tiếp nhận				Số hồ sơ đã giải quyết				Số hồ sơ còn tồn chưa giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính công ích								
36	UBND Xã Ea Trang	1.230	567	663	-	1.219	1.128	66	25	11	11	-
37	UBND Xã Đăk Phoi	946	830	116	-	916	784	107	25	30	30	-
38	UBND Xã Đăk Liêng	1.538	1.208	330	-	1.484	1.270	190	24	54	54	-
39	UBND Xã Dliê Ya	5.435	5.000	435	-	5.096	4.725	348	23	339	320	19
40	UBND Xã Xuân Cảnh	2.955	2.952	3	-	2.667	2.020	625	22	288	288	-
41	UBND Phường Bình Kiến	2.875	2.837	38	-	2.473	2.362	90	21	402	402	-
42	UBND Xã Xuân Lành	2.048	2.033	15	-	1.986	1.648	317	21	62	62	-
43	UBND Xã Dang Kang	1.939	1.548	391	-	1.785	1.696	69	20	154	154	-
44	UBND Xã Xuân Thọ	788	640	148	-	691	583	89	19	97	93	4
45	UBND Xã Yang Mao	3.074	3.000	74	-	2.992	2.687	286	19	82	80	2
46	UBND Xã Xuân Phước	2.126	2.119	7	-	1.905	1.646	241	18	221	215	6
47	UBND Xã Ea Drông	1.919	1.809	110	-	1.760	1.528	215	17	159	158	1
48	UBND Xã Ea M'Droh	2.479	2.119	360	-	2.413	1.961	435	17	66	59	7
49	UBND Xã Liên Sơn Lắc	1.969	1.914	55	-	1.932	1.663	252	17	37	31	6
50	UBND Phường Tân An	3.864	3.750	114	-	3.486	2.895	575	16	378	343	35
51	UBND Xã Cư Yang	1.284	1.231	53	-	1.230	1.131	83	16	54	45	9
52	UBND Xã Sông Hinh	2.675	2.654	21	-	2.559	2.357	187	15	116	116	-
53	UBND Xã Ea Na	2.895	2.336	559	-	2.662	2.330	317	15	233	231	2
54	UBND Xã Ea Phê	4.478	4.476	2	-	4.172	3.895	262	15	306	266	40
55	UBND Xã Phú Xuân	4.108	4.035	73	-	3.932	3.723	194	15	176	172	4
56	UBND Xã Cư Pao	1.053	669	384	-	877	824	39	14	176	164	12
57	UBND Xã Cư Pui	4.207	4.182	25	-	4.096	3.556	526	14	111	111	-
58	UBND Xã Ea H'Leo	960	886	74	-	861	703	144	14	99	99	-
59	UBND Xã Tam Giang	4.386	4.269	117	-	4.227	4.058	156	13	159	141	18
60	UBND Phường Cư Bao	2.291	2.177	114	-	2.059	1.686	361	12	232	232	-
61	UBND Xã Cư M'gar	2.156	2.011	145	-	1.974	1.853	110	11	182	73	109
62	UBND Xã Ea Nuôl	3.805	3.213	592	-	3.687	3.407	269	11	118	104	14
63	UBND Phường Hòa Hiệp	6.325	5.952	373	-	5.753	5.403	340	10	572	571	1

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số hồ sơ tiếp nhận				Số hồ sơ đã giải quyết				Số hồ sơ còn tồn chưa giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính công ích								
64	UBND Phường Thành Nhất	2.763	2.596	167	-	2.476	2.136	330	10	287	286	1
65	UBND Xã Phú Hòa 1	3.060	2.710	350	-	2.933	2.656	267	10	127	107	20
66	UBND Xã Dư Kmăl	1.215	1.185	30	-	957	797	150	10	258	251	7
67	UBND Xã Ea Kly	2.507	2.487	20	-	2.383	2.147	226	10	124	120	4
68	UBND Xã Ea Knuéc	3.012	2.994	18	-	2.795	2.586	200	9	217	211	6
69	UBND Phường Ea Kao	2.950	2.280	670	-	2.678	2.137	533	8	272	230	42
70	UBND Xã Krông Nô	491	435	56	-	460	418	34	8	31	23	8
71	UBND Xã Tân Tiến	3.338	3.333	5	-	3.289	3.217	64	8	49	49	-
72	UBND Phường Phú Yên	5.680	5.680	-	-	5.431	5.083	341	7	249	249	-
73	UBND Xã Ea Hiao	1.513	999	514	-	1.332	1.278	47	7	181	146	35
74	UBND Xã Krông Ana	4.009	3.574	435	-	3.701	3.266	428	7	308	296	12
75	UBND Phường Sông Cầu	2.817	2.816	1	-	2.373	2.224	143	6	444	443	1
76	UBND Phường Đồng Hòa	6.463	6.370	93	-	6.205	5.764	435	6	258	254	4
77	UBND Xã Tuy An Nam	3.495	3.459	36	-	3.359	2.920	433	6	136	136	-
78	UBND Xã Hòa Xuân	3.490	3.486	4	-	3.391	3.145	241	5	99	99	-
79	UBND Xã Phú Mỹ	1.191	1.179	12	-	1.181	1.066	110	5	10	9	1
80	UBND Xã Đồng Xuân	3.482	3.467	15	-	3.215	2.943	267	5	267	267	-
81	UBND Xã Cuôr Đăng	2.652	2.598	54	-	2.520	2.287	228	5	132	128	4
82	UBND Xã Ea Păl	2.132	2.119	13	-	2.023	1.911	107	5	109	107	2
83	UBND Xã Ia Rvê	1.264	254	1.010	-	1.233	1.129	100	4	31	31	-
84	UBND Xã Buôn Đôn	1.280	1.229	51	-	1.256	1.139	115	2	24	22	2
85	UBND Xã Ea Wer	2.662	1.953	709	-	2.322	1.842	478	2	340	332	8
86	UBND Xã Krông Bông	2.656	2.644	12	-	2.580	2.399	179	2	76	74	2
87	UBND Phường Tuy Hòa	9.442	9.371	71	-	8.676	7.821	854	1	766	766	-
88	UBND Phường Tân Lập	4.820	4.479	341	-	4.529	3.495	1.033	1	291	291	-
89	UBND Xã Tuy An Tây	1.977	1.972	5	-	1.899	1.770	128	1	78	78	-
90	UBND Xã Tây Hòa	3.465	3.367	98	-	3.300	2.911	388	1	165	165	-
91	UBND Xã Vân Hòa	885	874	11	-	828	736	91	1	57	57	-

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số hồ sơ tiếp nhận				Số hồ sơ đã giải quyết				Số hồ sơ còn tồn chưa giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính công ích								
92	UBND Xã Ea Kiết	1.322	1.288	34	-	1.279	1.035	243	1	43	43	-
93	UBND Xã Ea Bá	863	863	-	-	797	768	29	-	66	66	-
94	UBND Xã Hòa Mỹ	1.960	1.951	9	-	1.915	1.889	26	-	45	45	-
95	UBND Xã Hòa Thịnh	2.839	2.838	1	-	2.791	2.707	84	-	48	48	-
96	UBND Xã Suối Trai	1.162	1.161	1	-	1.139	1.079	60	-	23	23	-
97	UBND Xã Sơn Thành	1.636	1.636	-	-	1.566	1.489	77	-	70	70	-
98	UBND Xã Tuy An Bắc	3.212	3.212	-	-	3.138	2.733	405	-	74	74	-
99	UBND Xã Tuy An Đông	5.006	5.006	-	-	4.890	4.575	315	-	116	116	-
100	UBND Xã Tây Sơn	1.368	1.114	254	-	1.347	1.156	191	-	21	21	-
101	UBND Xã Cư Pong	2.272	2.247	25	-	2.160	1.988	172	-	112	112	-
102	UBND Xã Ea Ô	1.221	1.172	49	-	1.183	1.085	98	-	38	38	-
TỔNG PHƯỜNG - XÃ		292.882	267.199	25.683	-	273.396	237.833	30.979	4.584	19.486	17.136	2.350
TỔNG SỐ		480.992	360.879	107.128	12.985	436.234	355.059	66.374	14.801	44.758	39.473	5.285